

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Hòa

Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 791/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số X, đường Nguyễn An N, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Lê Trần Tường V, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số X, đường Nguyễn An N, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Anh L có mặt, chị V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày: Anh và chị Lê Trần Tường V xây dựng gia đình với nhau vào năm 1995, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ

chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên từ năm 2016 vợ chồng anh đã sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị V không còn nữa anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V để các bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu Tường L, sinh ngày 06/12/1997 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu. Về nợ chung, anh xác định vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn chị Lê Trần Tường V đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và chị V cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án. Tuy nhiên qua xác minh người thân của chị V thì được biết vợ chồng chị V đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn và chị V cũng đồng ý ly hôn vắng mặt. Về con chung vợ chồng chị V có 01 con chung là Nguyễn Hữu Tường L đã đủ tuổi trưởng thành.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị V vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị V. Về con chung, anh xác định có 01 con chung là Nguyễn Hữu Tường L đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, đồng thời anh xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Trần Tường V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị V. Về con chung, đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, anh L xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Về nợ chung, anh L xác định không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Trần Tường V đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228

của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị V xây dựng gia đình với nhau vào năm 1995 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng anh hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tôn trọng lẫn nhau. Tại phiên toà, anh L xác định không còn tình cảm với chị V và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn chị V vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị V đã trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, không hạnh phúc. Do mâu thuẫn kéo dài nên cả hai đã tự sống ly thân nhau từ năm 2016, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù chị V không có lời khai trình bày cụ thể ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L. Tuy nhiên qua xác minh bố đẻ của chị V thì được biết, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị V, anh L là do không hợp nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau, chị V cũng đồng ý ly hôn vắng mặt. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L, xử cho anh L và chị V được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Anh L và chị V có 01 con chung là Nguyễn Hữu Tường L, sinh ngày 06/12/1997 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét giải quyết mà đây là trách nhiệm làm cha, làm mẹ của anh L, chị V đối với con chung.

[4] Về tài sản chung, anh L xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Đồng thời anh L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu L, xử cho anh Nguyễn Hữu L và chị Lê Trần Tường V được ly hôn.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008762 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, anh L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2019). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 6, tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc